

XÁC ĐỊNH TÊN KHOA HỌC CHO CÂY NAO HAY CHUA KHÉT Ở QUẢNG BÌNH

Phạm Hồng Thái^{1*}, Nguyễn Văn Huy², Nguyễn Tuấn Anh¹,
Nguyễn Thành Tây¹, Hoàng Chí Thanh¹

¹ Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình,

² Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam

TÓM TẮT

Chua khét, còn gọi với tên khác là Nao, phân bố tự nhiên ở Quảng Bình, là loài cây có giá trị thương phẩm cao. Gỗ có hồng sắc rất đẹp, được nhân dân sử dụng để làm nhà ở và các vật dụng trong gia đình. Từ trước đến nay, các cơ quan chức năng, đơn vị tư vấn về lâm nghiệp, các lâm trường trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và trong danh lục thực vật của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng vẫn sử dụng tên khoa học của cây Chua khét (Nao) là *Chukrasia* sp. và xếp vào gỗ nhóm III theo bảng phân nhóm tạm thời các loài gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước theo Quyết định số 2198/CNR của Bộ Lâm nghiệp ban hành ngày 26/11/1977. Tuy nhiên, khi nghiên cứu phân tích chi tiết đặc điểm hình thái, phân loại, cấu tạo của cây Chua khét (Nao) ở Quảng Bình, chúng tôi xác định loài cây này thuộc chi *Dysoxylum*, có nhiều đặc điểm khác so với loài Chua khét (*Chukrasia* sp.), thuộc chi *Chukrasia* trong bảng phân loại tạm thời các loại gỗ thống nhất trong cả nước ở trên. Do đó, trong nghiên cứu này, chúng tôi đã phân tích một số đặc điểm của loài cây này ở Quảng Bình, so sánh với loài Chua khét (*Chukrasia* sp.), thuộc chi *Chukrasia* trong bảng phân loại ở trên và từ đó xác định tên khoa học của cây Chua khét (Nao) ở Quảng Bình là *Dysoxylum cyrtobotryum* Miq., Fl. Ind. Bat. Suppl. 1 (1861).

Từ khóa: Cây Chua khét, Nao, Quảng Bình, tên khoa học

Re - Identification of scientific name for the tree species “Chua khet” or “Nao” in Quang Binh province

The “*Chua Khet*” tree species, also locally called “*Nao*” in Vietnamese, naturally distributes in Quang Binh province. This indigenous species is a timber of high commercial value, used for housing construction and fine indoor furniture - its wood has a beautiful light red color. In Decision 2198/CNR of the Ministry of Forestry, dated 26 November 1977, on temporary classification of timber species being used in Vietnam, this indigenous species (“*Chua Khet*” or “*Nao*”) is classified as *Chukrasia* sp., belonging to Group III. Hence, the name *Chukrasia* sp. have been used for this tree species by forestry technical agencies, forestry consulting companies and state - owned forest enterprises in Quang Binh province as well as in the list of flora in Phong Nha - Ke Bang National Park. However, detailed study of the morphological characteristics, classification and structure of the “*Chua khet*” (or “*Nao*”) in Quang Binh province suggests that it has many different characteristics as compared to those of the species classified as *Chukrasia* sp. in the above - mentioned Decision 2198/CNR, and actually belongs to the *Dysoxylum* genus. Therefore, in this study, we analyzed some characteristics of this plant in Quang Binh, compared with the “*Chua khet*” (*Chukrasia* sp.) of the *Chukrasia* genus and then determined the scientific name of the *Chua Khet (Nao)* species found in Quang Binh to be *Dysoxylum cyrtobotryum* Miq., Fl. Ind. Bat. Suppl. 1 (1861).

Keywords: Chua khet, Nao species, Quang Binh, scientific name

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chua khét hay còn gọi là cây Nao phân bố tự nhiên rộng rãi tại vùng núi phía Tây và Tây Nam của tỉnh Quảng Bình thuộc họ Xoan (Meliaceae) là cây gỗ lớn có giá trị kinh tế cao được các cơ quan chuyên ngành, đơn vị tư vấn về lâm nghiệp, các lâm trường trên địa bàn tỉnh Quảng Bình sử dụng với tên khoa học *Chukrasia* sp. và xác định gỗ thương phẩm nhóm III theo danh mục phân loại tạm thời các loài gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước theo Quyết định số 2198/CNR của Bộ Lâm nghiệp ban hành ngày 26/11/1977.

Loài “Chua khét” trong bảng phân loại gỗ năm 1977 của Bộ Lâm nghiệp được xác định với tên khoa học là *Chukrasia* sp., thuộc chi Lát hoa (*Chukrasia*), họ Xoan (Meliaceae), loài cây đã được xếp trong nhóm gỗ III và được mô tả trong một số nghiên cứu. Do có một số đặc điểm khác so với chi Lát hoa (*Chukrasia*) và để tránh nhầm lẫn trong việc sử dụng tên khoa học, xác định nhóm gỗ, cũng như phân biệt với cây Chua khét, thuộc chi *Chukrasia* trong bảng phân nhóm tạm thời, thì việc định danh làm rõ tên khoa học cho cây Chua khét (Nao) ở Quảng Bình là rất cần thiết.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Loài cây Chua khét (họ Meliaceae), có nguồn gốc hoang dã, phân bố ở khu vực rừng tự nhiên thứ sinh thuộc các huyện Bố Trạch, Quảng Ninh và Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Căn cứ số liệu, tài liệu thu thập được về vùng phân bố quá khứ và hiện tại của loài Chua khét (Nao) trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, tiến hành

điều tra theo tuyến ở 03 khu vực thuộc huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy và Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình với sự tham gia của người dân địa phương và cán bộ có kinh nghiệm về nhận dạng cây rừng của Lâm trường Trường Sơn, Khe Giữa và Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, cùng với sự hỗ trợ của chuyên gia thực vật (Thạc sỹ Nguyễn Văn Huy nguyên Trưởng Bộ môn Thực vật rừng, Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam) để xác định vị trí phân bố loài cây Chua khét trên thực địa.

Tiến hành mô tả chi tiết cấu tạo về thân, lá, hoa, quả và đối chiếu với các tài liệu chính: Cây cỏ Việt Nam Tập II (Phạm Hoàng Hộ, 2000); Flore Générale de L'Indo - Chine Tome One; Flora of Thailand; Flora of Malaysia; Flora of China để định loại mẫu theo họ, chi và bước đầu xác định tên khoa học của loài cây.

Thu thập mẫu tiêu bản về lá, hoa, quả và vỏ cây ở 03 khu vực thuộc huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy, Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình và gửi mẫu tiêu bản tới Phòng Tiêu bản thực vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật (STTN) Sinh vật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tại Hà Nội để định danh, xác định lại tên khoa học cho loài.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Mô tả đặc điểm cây

Chua khét (Nao) là cây gỗ lớn cao 20 - 25m, đường kính phổ biến 30 - 70cm, cá biệt có cây to, đường kính hơn 1m. Cành to, phân cành hơi chéch. Tán cây hình ô. Đoạn cành non mới ra có vỏ màu nâu hồng, có nổi nhiều bì khổng màu trắng hình bầu dục. Vỏ cây màu xám nâu tới xám vàng hay xám bạc tùy nơi mọc. Trên vỏ có nhiều bì khổng nổi như nốt mụn sần sùi (hình 1). Vỏ bong theo mảng nhỏ loang lổ, không đều trên thân cây, vết vỏ mới bong màu

nâu vàng, vỏ đẽo có mùi thơm dễ chịu. Góc cây có bạnh vè.

Chồi rất non có lớp lông ngắn mịn màu xám bạc, sau khi bung lá chồi, lớp lông không còn rõ. Lá kép lông chim một lần lẻ, mọc cách, dài 15 - 30cm, mang 7 - 13 lá chét với 3 - 6 đôi lá chét mọc đối hay gần đối, (có khi cách), mặt trên lá màu xanh bóng, mặt dưới xanh bạc, lá mềm, dai, (trên đỉnh lá kép luôn có 1 lá chét lẻ). Lá chét hình trái xoan, dài 5 - 10,5cm, rộng 3 - 4,5cm. Đầu lá chét có mũi lõm dài, đầu tròn, đuôi lá hình nêm hay hơi tròn, bất xứng (hình 2). Lá chét có 6 - 11 đôi gân lá kéo dài tới mép lá và có thêm 3 - 6 đôi gân lá lưng không kéo tới mép lá. Mép lá chét nguyên, cuống lá chét dài trung bình 4 - 5mm. Gân lá chét mặt trên lõm, nổi rõ ở mặt sau lá. Nách gân lá có tuyến (nhìn rõ ở mặt trên lá), trên tuyến có túm lông xám (nhìn rõ ở mặt sau lá). Lá già rụng vào đầu xuân, lá chét rụng màu xanh vàng.

Ra lá mới và ra hoa cùng vào mùa xuân (ra hoa từ tháng 1 tới tháng 3, cây cá biệt ra hoa

tháng 4). Hoa tự chùm ngắn mọc ở kẽ lá già mới rụng dài 3 - 7cm. Hoa nhỏ lưỡng tính, đài 4 hợp góc 4 thùy. Cánh hoa 4 màu vàng nhạt, nhị đực 8, ống nhị không xếp thùy, 8 bao phấn xếp kín sát mép trong ống nhị (hình 3). Đầu vòi nhụy hình đĩa, khi hoa nở nhô cao hơn bao phấn sát mép ống nhị. Bầu thường 4 ô (có khi ít hay nhiều hơn), mỗi ô một hoặc hai noãn.

Quả nang cắt vách thường 4 ô (có thể có 1 - 6 ô), 4 hoặc 1 - 6 gờ dọc quả, khi chín màu đỏ - nâu hoặc vàng đỏ (hình 4), quả thường có 1 - 4 - 6 hạt (tùy theo số noãn được thụ phấn). Hạt có vỏ áo hạt màu nâu vàng, hay nâu đen, quả rộng 3 - 4cm, cao 2 - 2,5cm. Hạt màu xanh cánh cam, lúc khô màu xanh đen. Hình thành quả non từ cuối tháng 4 và đầu tháng 5. Quả chín từ cuối tháng 6, tháng 7 đến tháng 8. Khi chín trên cây, quả có mùi thơm và vị ngọt nhẹ, là thức ăn của các loài khỉ, hạt sau khi tách quả có dầu là thức ăn của các loài côn trùng và thú nhỏ.



Hình 1. Hình thái thân, vỏ và gốc của cây Chua khét trưởng thành





Hình 2. Hình thái lá của cây Chua khét



Hình 3. Hình thái về hoa cây Chua khét



Hình 4. Hình thái bao phần và quả non, quả chín, hạt của cây Chua khét

Phân bố

Cây phân bố khá phổ biến ở Quảng Bình, thường gặp trong rừng tự nhiên của huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Tuyên Hóa, Bố Trạch, Minh Hóa, Tuyên Hóa và trong Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Ở Quảng Bình được người dân ưa dùng và gọi tên là cây Nao hoặc cây Chua khét.

Sinh thái

Tại Quảng Bình, Chua khét mọc rải rác, hỗn giao với nhiều loài cây lá rộng thường xanh và có tán cây phân bố trong tầng tán chính của rừng. Thường phân bố trên đất thịt nhẹ, thịt trung bình hay cát pha ở nửa sườn dưới các dãy núi, dọc các khe suối có độ cao phân bố dưới 700m.

Do nhu cầu sử dụng cao nên bị khai thác cạn kiệt, số lượng quần thể và cá thể của loài trong tự nhiên còn rất ít nên cần được ưu tiên bảo vệ.

Công dụng

Gỗ dác màu trắng nhạt, lõi màu nâu hồng, vân thớ đẹp, khi gỗ khô khó xẻ, mùn chua chua và có mùi khét (tương tự mùi thuốc súng). Tại Quảng Bình gỗ được xếp tương đương nhóm III, được ưa chuộng dùng đóng đồ dùng gia dụng, làm đồ mỹ nghệ, làm cửa, ván bung, lát nền và trần nhà.

3.2. Xác định tên khoa học của loài cây

Với sự hỗ trợ của ThS. Nguyễn Văn Huy, nguyên Trưởng Bộ môn Thực vật rừng Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam loài cây được xác định là *Dysoxylum cochinchinensis* Piere.

Mẫu tiêu bản (lá, hoa, quả, vỏ cây) được gửi tới Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tại Hà Nội (ngày 28/5/2015) và đã được PGS.TS. Trần Minh Hợi, TS. Nguyễn

Thê Cường, TS. Vũ Xuân Phương, Viện STTN Sinh vật và ThS. Nguyễn Văn Huy, Đại học lâm nghiệp Việt Nam thống nhất xác định là loài *Dysoxylum cyrtobotryum* Miq. Fl. Ind. Bat. Suppl. 1 (1861).

Loài được mô tả rất kỹ ở trang 160, 161, 162 trong cuốn sách "Tree flora of Sabah and Sarawak, Volume six - 2007". Đây là loài có phân bố rộng ở Ấn Độ, Nam Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Lào, Việt Nam... Loài này có nhiều biến đổi về hình thái do hoàn cảnh sống. Nhờ tiến bộ về cách định loại khoa học mới, người ta đã xác định loài *Dysoxylum cyrtobotryum* Miq này có nhiều tên đồng nghĩa thuộc các vùng và nhiều người đặt tên. Tên cây *Dysoxylum cochinchinensis* Piere cũng là một tên đồng nghĩa (Synonym) trong số đó.

IV. KẾT LUẬN

Tên khoa học của cây Chua khét hay còn gọi cây Nao phân bố ở Quảng Bình được định danh, xác định là *Dysoxylum cyrtobotryum* Miq., Fl. Ind. Bat. Suppl. 1 (1861), chứ không phải là *Chukrasia* sp. theo bảng phân nhóm tạm thời các loài gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước ban hành kèm theo Quyết định số 2198/CNR của Bộ Lâm nghiệp ban hành ngày 26/11/1977.

V. KIẾN NGHỊ

- Nên dùng tên cây Nao như người Quảng Bình vẫn dùng thay cho tên Chua khét để tránh nhầm với loài Chua khét thuộc chi Lát hoa (*Chukrasia*).
- Nếu trong bảng phân loại gỗ 1977 dùng tên *Chukrasia* sp. để chỉ đúng loài Chua khét có ở Quảng Bình thì có thể đề nghị bổ sung tên cây mới xác định thay cho tên la tinh cũ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 2198 - CN, 1977. Quyết định của Bộ Lâm nghiệp ban hành phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước.
2. Lê Mộng Chân, Nguyễn Thị Huyền, 2000. Giáo trình cây rừng, NXB Nông nghiệp.
3. Phạm Hoàng Hộ, 2000, Tập II. Cây cỏ Việt Nam, NXB Trẻ.
4. www.asianplant.net/Dysoxylum_cyrtobotryum.htm.
5. Flore Générale de L'Indo - Chine Tome One.
6. Smitinand, T. & Larsen, K. (eds), Tagawa, M. & Iwatsuki, K., Pteridophytes, 1989. Flora of Thailand, vol. 3. 481 - 639, pl. I - IV.
7. Flora of Malaysia.
8. Wo Zhengyi and Peter H. Raven, 2006. Flora of China.
9. E. Soepadmo and K.M. Wong, 1995. Tree flora of Sabah and Sarawak.

Người thẩm định: PGS.TS. Nguyễn Hoàng Nghĩa